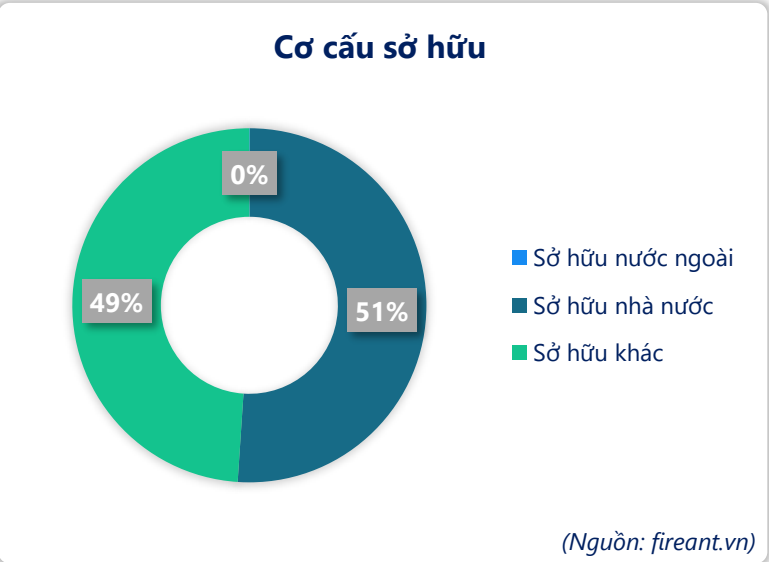
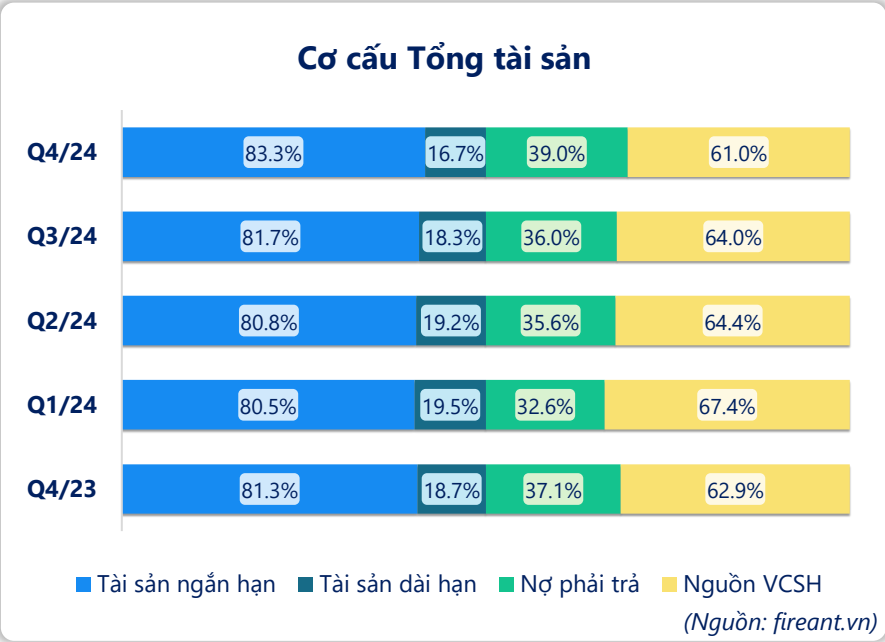
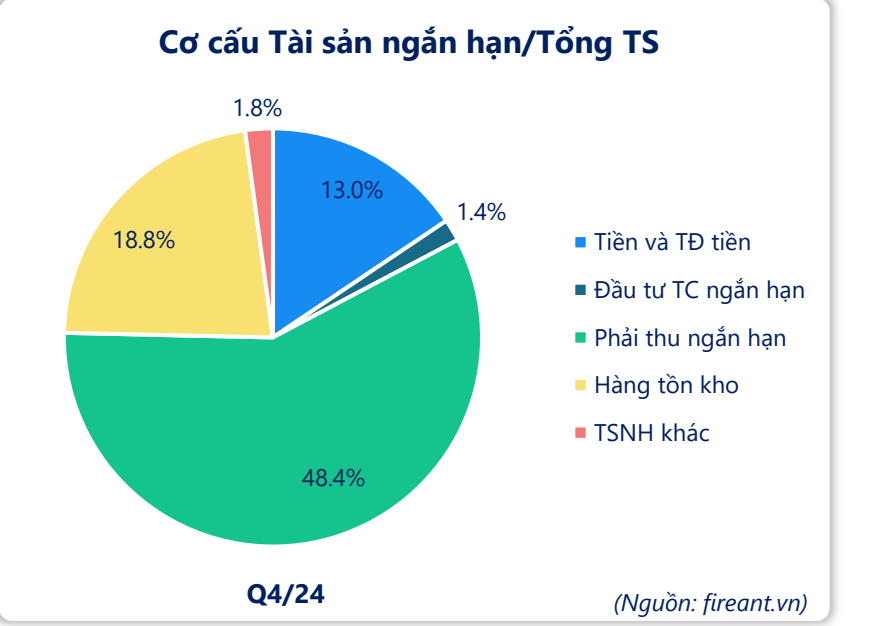
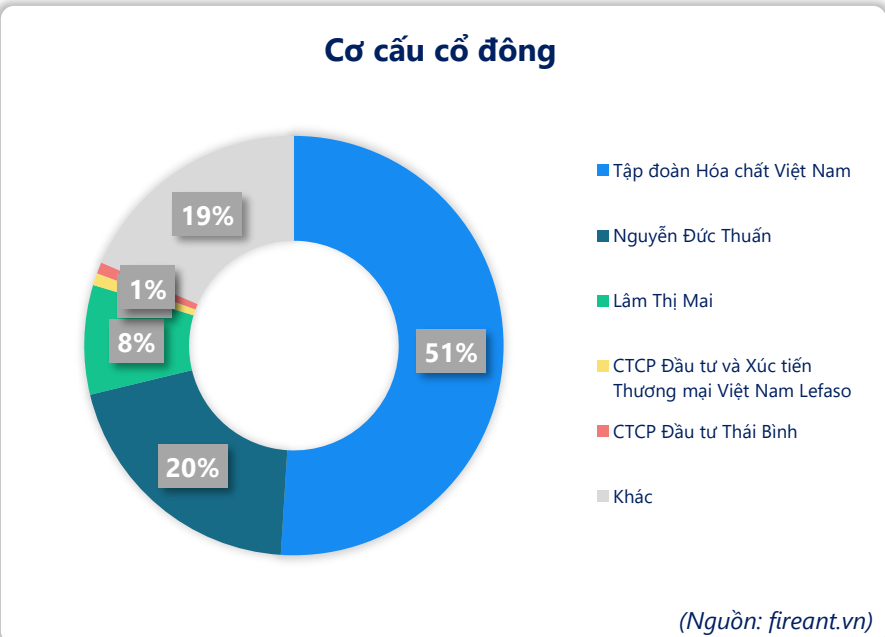
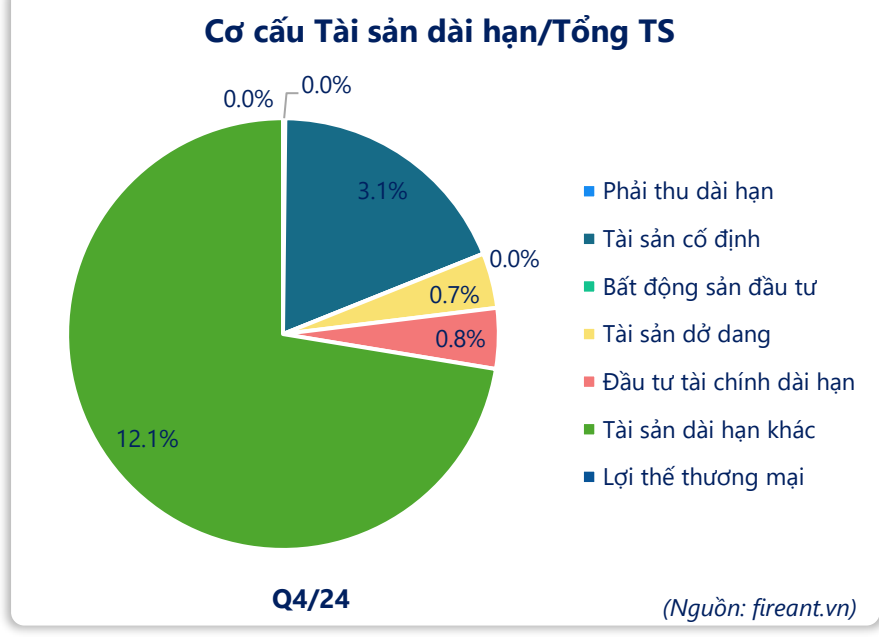
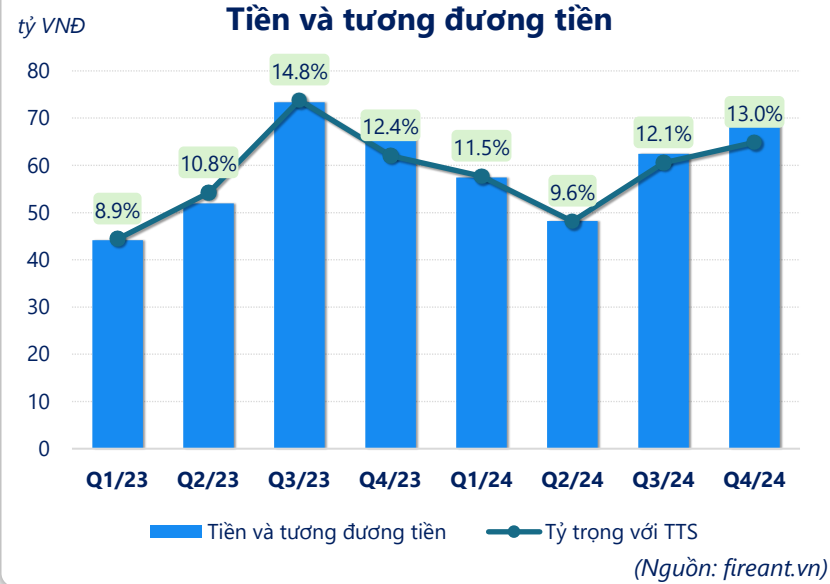
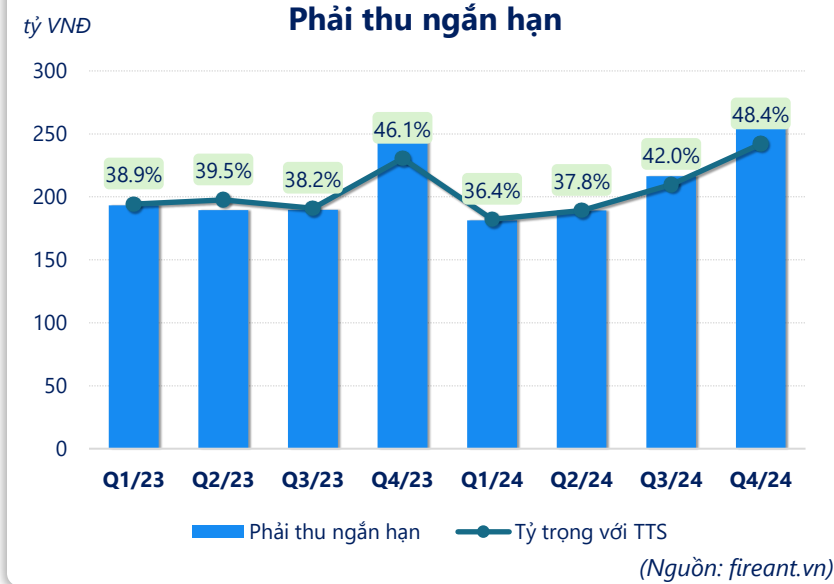
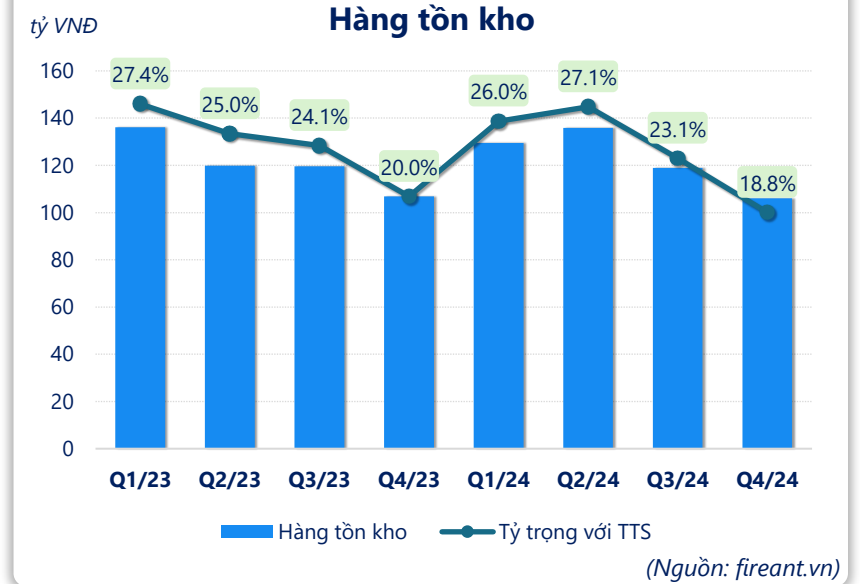
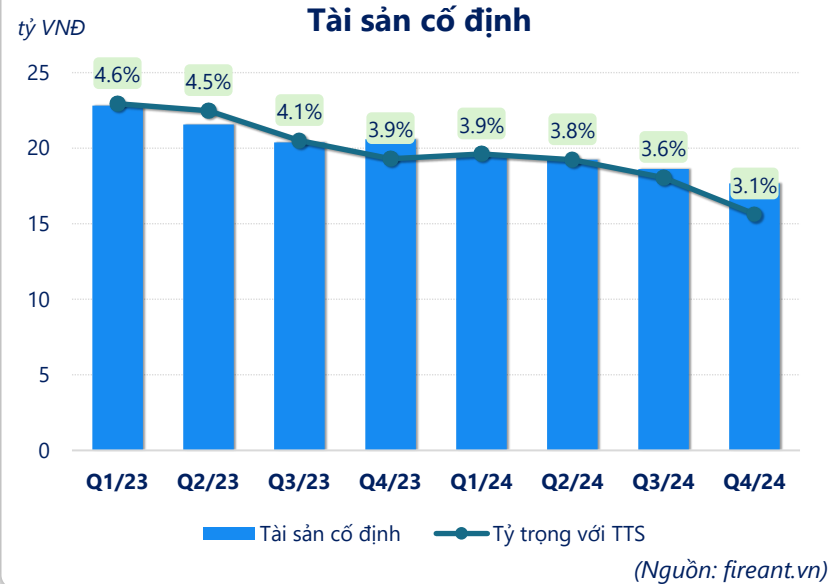
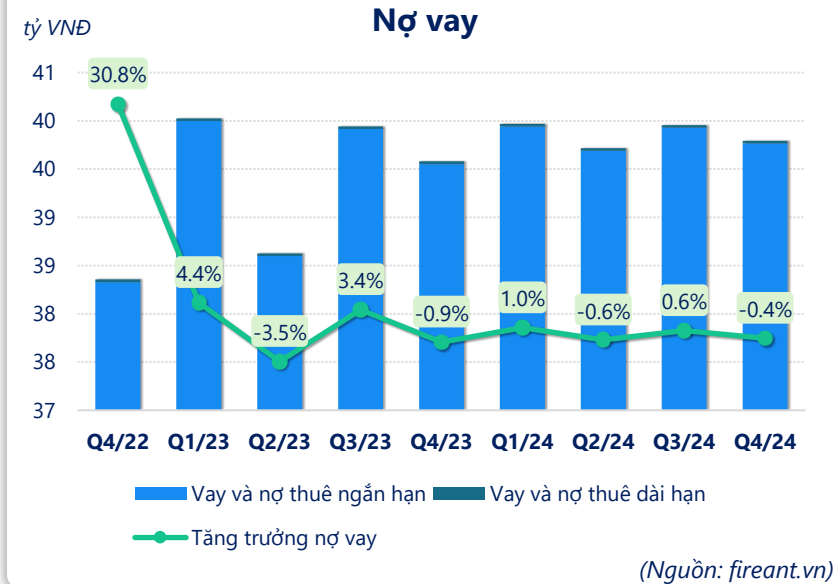
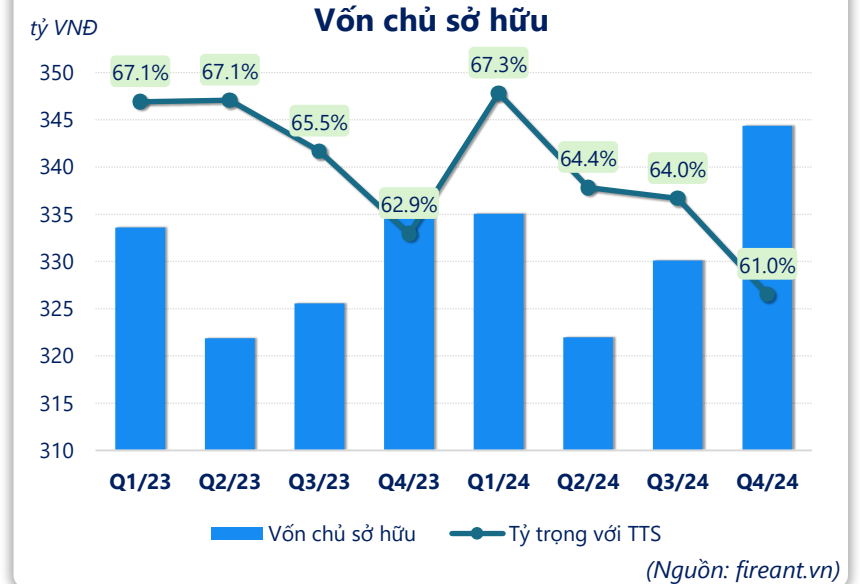
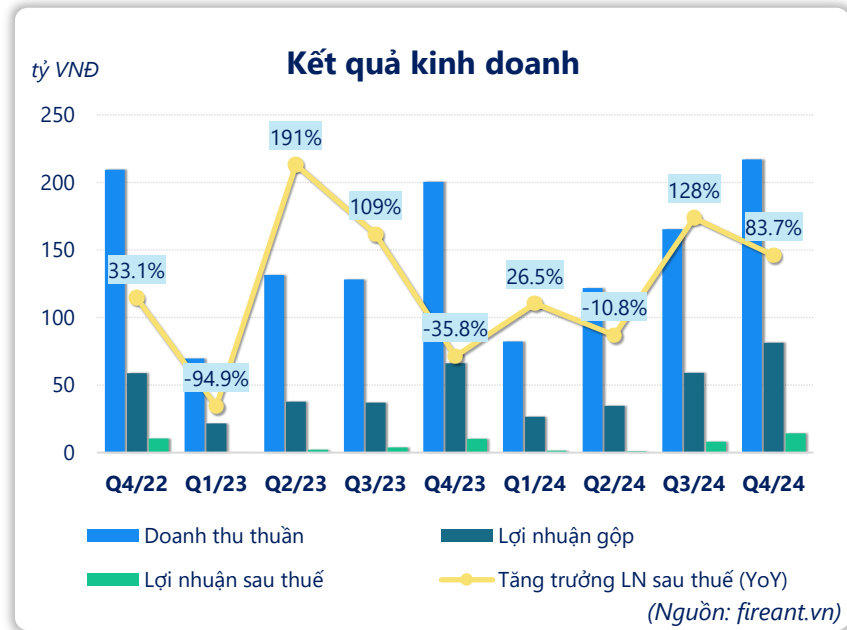
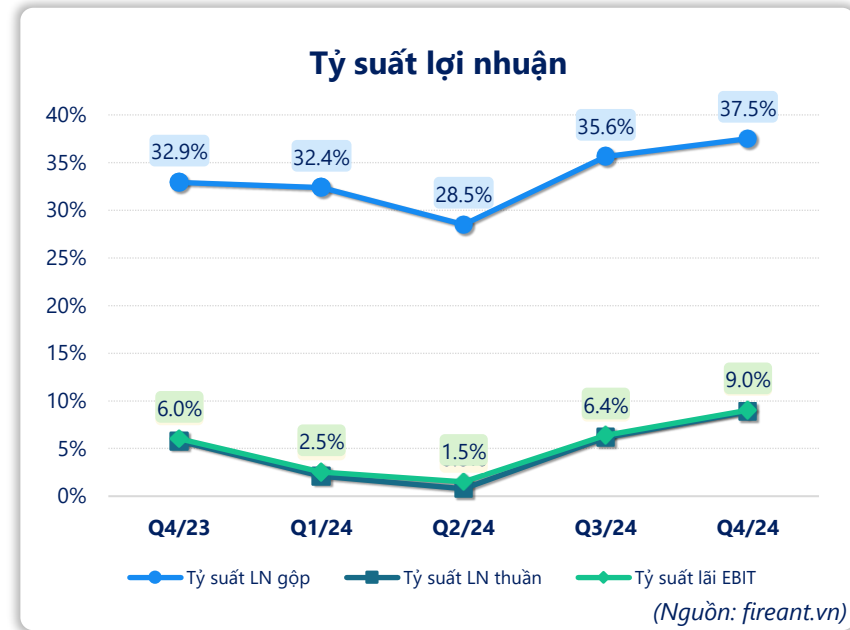
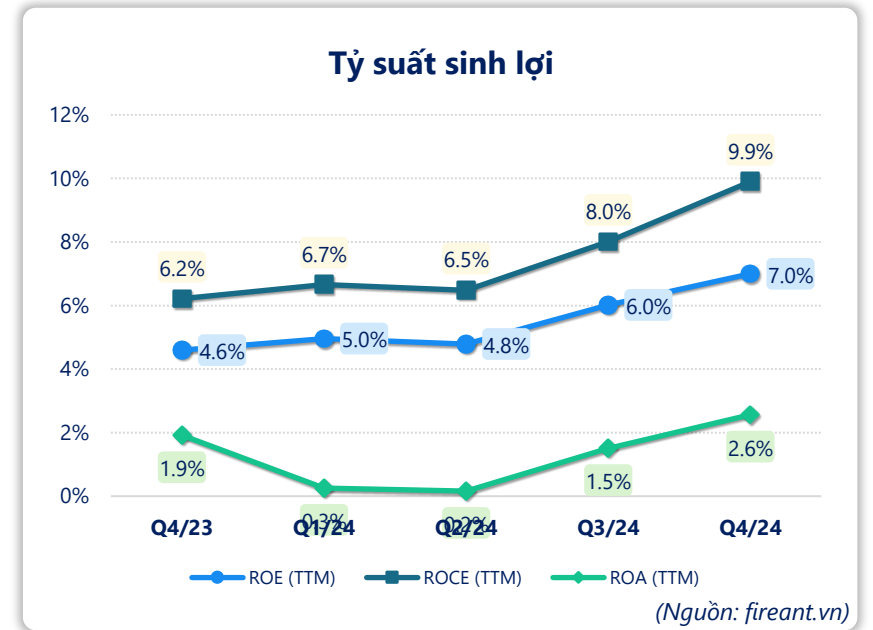
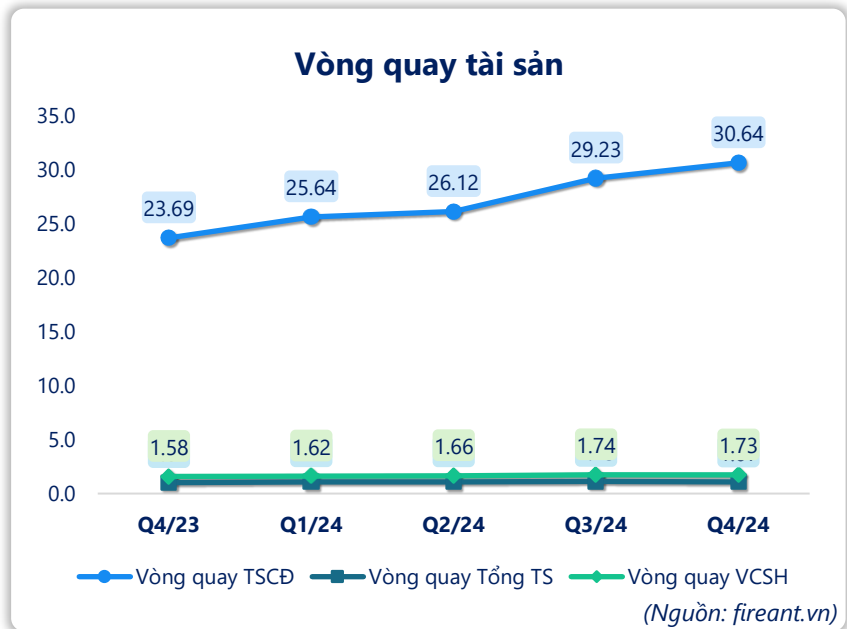
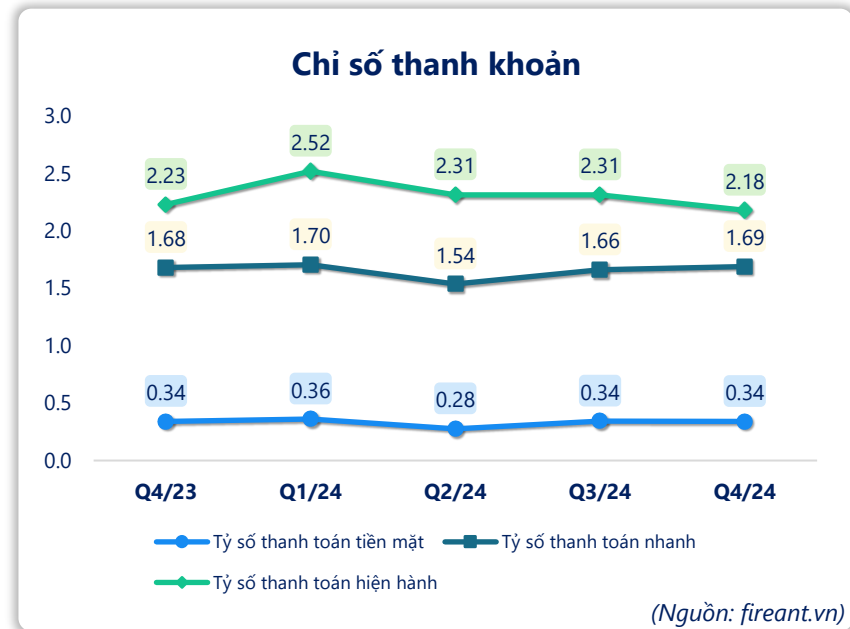
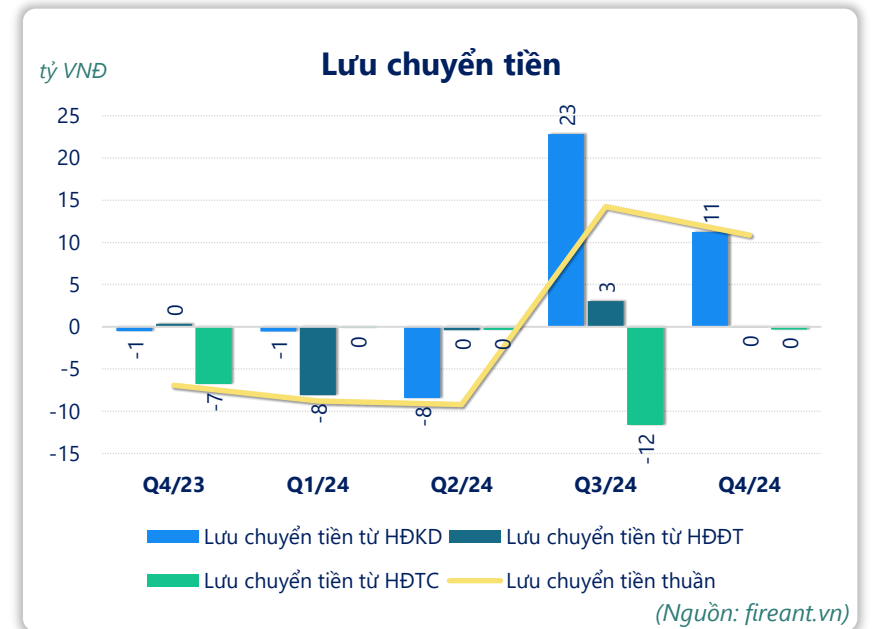


Thông tin giao dịch		31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)		8,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		10,449
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		8,100
SL cổ phiếu LH		24,460,792
KLGD BQ 20 phiên (CP)		1,310
% sở hữu nước ngoài		0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		215
P/E		9.0
EPS		973

	YTD	1T	3T	6T
VPS		3.9%	-7.4%	-4.0%
VNINDEX		2.1%	-0.2%	-1.3%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	565	532	6.2%
Tài sản ngắn hạn	471	434	8.6%
Tiền và tương đương tiền	73.3	66.2	10.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	8.00	3.00	167%
Phải thu ngắn hạn	273	246	11.1%
Hàng tồn kho	106	107	-0.8%
Tài sản ngắn hạn khác	10.0	11.5	-12.7%
Tài sản dài hạn	94.2	98.6	-4.5%
Phải thu dài hạn	0.16	0.21	-22.4%
Tài sản cố định	17.7	20.6	-14.2%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	3.89	3.81	2.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	4.28	5.36	-20.2%
Tài sản dài hạn khác	68.2	68.7	-0.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	220	198	11.1%
Nợ ngắn hạn	216	195	10.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	39.8	39.6	0.5%
Phải trả người bán ngắn hạn	96.0	92.3	4.0%
Nợ dài hạn	4.29	3.33	28.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0.03	0.03	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	345	334	3.2%
Vốn chủ sở hữu	344	334	3.2%
Vốn điều lệ	245	245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0.13	0.13	0.0%

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Doanh thu thuần	201	82.3	122	165	217
Giá vốn hàng bán	135	55.7	87.1	106	136
Lợi nhuận gộp	66.0	26.6	34.7	58.9	81.4
Doanh thu HĐTC	0.68	1.16	1.03	1.05	1.44
Chi phí TC	2.55	3.88	2.99	3.83	3.57
Chi phí lãi vay	0.47	0.36	0.42	0.37	0.41
LN trong công ty LKLD	-0.47	0	-0.79	0	-0.29
Chi phí bán hàng	29.5	11.6	17.9	26.8	27.3
Chi phí QLDN	22.6	10.6	13.2	19.2	18.8
LN thuần từ HĐKD	11.6	1.72	0.95	10.2	19.2
Lợi nhuận khác	0.04	0.00	0.46	0.02	-0.06
LN trước thuế	11.6	1.72	1.42	10.2	19.2
Lợi nhuận sau thuế	10.2	1.37	1.00	8.13	14.3
LNST của CĐ cty mẹ	10.0	1.28	0.79	7.64	14.1

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-0.52	-0.56	-8.44	22.8	11.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.36	-8.10	-0.41	3.03	-0.05
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-6.75	-0.11	-0.36	-11.6	-0.33
Tiền đầu kỳ	73.4	66.2	57.4	48.2	62.4
Lưu chuyển tiền thuần	-6.92	-8.77	-9.20	14.2	10.8
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.28	0	0.00	0.00	0.00
Tiền cuối kỳ	66.2	57.4	48.2	62.4	73.3

(Nguồn: fireant.vn)